

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HS-ST
Ngày 26 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Bằng;
Bà Đỗ Thị Kim Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Kiều Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 86/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1983 tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ và 03 con;

Tiền sự: Ngày 09/3/2022, Nguyễn Văn T bị Công an huyện Tam Đảo xử phạt vi phạm hành chính số tiền 4.000.000đ về hành vi khai thác khoáng sản trái phép, quy định tại điểm b, khoản 1, điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ ngày 24/3/2020 của Chính Phủ, cùng ngày, Nguyễn Văn T đã nộp phạt số tiền trên. Tiền án: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 14/4/2022, Nguyễn Văn T đi qua nhà anh Trần Văn C, trú tại thôn L, xã T, huyện T thì thấy phía sau nhà anh C có lượng đất đồi lớn nên T đã điện thoại cho anh C để hỏi xin anh C đất để đổ về vườn nhà T, do có mối quan hệ quen biết với T nên anh C đồng ý, T hẹn anh C sáng hôm sau sẽ đến chở đất. Đến khoảng 07 giờ ngày 15/4/2022, T điều khiển máy xúc nhãn hiệu DAEWOO SOLAR 200W từ nhà T đến khu đất nhà anh C, sau đó T đến nhà anh Phạm Văn L, trú tại thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (là anh rể T) nói dối là đi chở ít đồ rồi mượn xe ô tô tải nhãn hiệu Trường Giang, BKS: 88H-xxx.xx, anh L đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe ô tô đến khu đất nhà anh C (lúc này anh C không có ở nhà) rồi T điều khiển máy xúc, xúc đất lên thùng xe ô tô tải BKS: 88H-xxx.xx và chở về đổ tại khu đất của gia đình T ở Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi đổ đất xong T điều khiển xe ô tô quay lại khu đất nhà anh C để tiếp tục xúc đất thì thấy anh Đặng Thanh B, trú tại tỉnh Phú Thọ điều khiển xe ô tô BKS: 11C-xxx.xx đi vào khu đất nhà anh C. Anh B hỏi xin một xe đất nhưng T không đồng ý. Cùng lúc đó Công an huyện Tam Đảo phát hiện, kiểm tra. Tại thời điểm kiểm tra T không xuất trình được bất cứ giấy tờ gì của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép khai thác tại diện tích đất nêu trên. Công an huyện Tam Đảo đã tiến hành tạm giữ các phương tiện sau:

- 01 máy xúc nhãn hiệu Daewoo Solar 200W, màu sơn: vàng cam, bánh lốp;

- 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Trường Giang, BKS: 88H-xxx.xx, màu xanh; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Dongfeng, BKS: 11C-xxx.xx.

Quá trình khám nghiệm hiện trường xác định vị trí khai thác thể hiện diện tích đất khai thác có kích thước cao 3m, rộng 1,5m, dài 1,8m, xác định điểm Nguyễn Văn T đã đổ kích thước dài 2,7m, rộng 2m, cao 1,5m. Ngày 15/4/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tam Đảo đã lập biên bản xác định khối lượng đất Nguyễn Văn T khai thác trái phép ngày 15/4/2022 là 8,1m³.

Xác minh tại UBND xã T, huyện T và Sở Tài nguyên và môi trường xác định vị trí Nguyễn Văn T khai thác là thửa đất số 190, tờ bản đồ 48 thuộc quyền sử dụng đất của Trần Văn O, thuộc thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (mục đích sử dụng: là đất ở và đất trồng cây lâu năm), ông O đã chết, hiện thửa đất trên do con trai ông O là anh Trần Văn C quản lý, sử dụng. Thửa đất này không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác.

Ngày 20/4/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Tam Đảo ra Quyết định trưng cầu giám định đề nghị Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc

Chi cục Giám định xây dựng - Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc giám định loại đất mà T khai thác ngày 15/4/2022. Ngày 09/5/2022 Trung tâm giám định chất lượng xây dựng có kết luận giám định số 02/KL-GĐTPXD kết luận mẫu đất giám định là: Đất cấp III loại đất đồi núi lẫn sỏi sạn. Ngày 27/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành làm việc với Phòng tài nguyên môi trường huyện Tam Đảo và xác định: Đất cấp III đồi núi lẫn sỏi sạn là khoáng sản.

Ngày 23/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tam Đảo đã ra văn bản Yêu cầu định giá tài sản đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tam Đảo đề nghị định giá 8,1m³ đất mà T đã khai thác trái phép. Ngày 01/8/2022, Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Tam Đảo Kết luận giá trị của 8,1m³ đất cấp III đồi núi lẫn sỏi sạn có giá trị là: 348.000đ (Ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 87/CT-VKS-P1 ngày 08 tháng 9 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 điều 227 BLHS năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Về hình phạt: Áp dụng đ khoản 1 điều 227; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xác nhận cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho anh Phạm Văn L 01 xe ô tô, anh Nguyễn Văn Toán 01 máy xúc và anh Đặng Thanh B 01 xe ô tô là hợp pháp.

Ngoài ra, đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 15/4/2022, tại thửa đất số 190, tờ bản đồ 48 thuộc quyền sử dụng đất của ông Trần Văn O thuộc thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (hiện thửa đất trên do anh Trần Văn C - con trai ông O là người quản lý, sử dụng), Nguyễn Văn T đã có hành vi khai thác trái phép 8,1m³ đất (là loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường). Kết luận định giá xác định giá trị của 8,1m³ đất là 348.000 đồng.

Mặc dù giá trị khoáng sản (đất) Nguyễn Văn T khai thác trái phép là 348.0000đ (chưa đến 500.000.000 đồng) nhưng bản thân T đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Vi phạm về khai thác khoáng sản mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”, tính đến thời điểm Nguyễn Văn T thực hiện hành vi khai thác khoáng sản (đất) ngày 15/4/2022 thì chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, vì vậy hành vi của Nguyễn Văn T đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điều 227 BLHS năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” quy định tại điểm đ khoản 1 điều 227 BLHS năm 2015. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào vi phạm quy định về...khai thác tài nguyên trong đất liền...mà không có giấy phép...thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

đ. Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội thấy rằng: Bản thân bị cáo là người có trình độ văn hóa thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, số lượng đất bị cáo khai thác ít, giá trị nhỏ, mục đích bị cáo khai thác đất để đổ vào công trình của gia đình. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tài nguyên khoáng sản vì vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Như vậy xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo chỉ là nhất thời do thiếu hiểu biết, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào nên đáng được hưởng khoan hồng. Do vậy không nhất thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh cũng đủ tác dụng giáo dục cũng như tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được tự cải tạo, sửa chữa sai lầm để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ bị cáo đều không có tài sản gì có giá trị, không có nghề nghiệp ổn định. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc máy xúc, nhãn hiệu Daewoo Solar 200W. Quá trình điều tra xác định: Ngày 25/01/2022, T và anh L, sinh năm 1986 trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc mua chung chiếc máy xúc trên của anh N, sinh năm 1979 ở tỉnh Phú Thọ và anh Phạm Văn B1, sinh năm 1992 ở tỉnh Nam Định. Sau đó anh L đã bán lại phần của mình cho T. Ngày 04/4/2022, T đã bán

chiếc máy xúc trên cho anh Nguyễn Văn T1 (là em trai vợ T). Sau khi mua chiếc máy xúc trên, anh T1 đã thuê T lái máy xúc để mức đất thuê và giao cho T quản lý máy xúc. Ngày 15/4/2022, anh T1 không biết T khai thác, vận chuyển đất trái phép. Do đó, ngày 01/8/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc trả lại chiếc máy xúc trên cho anh Nguyễn Văn T1.

- Đối với xe ô tô nhãn hiệu Trường Giang, BKS: 88H-xxx.xx. Quá trình điều tra xác định: Năm 2021, chị Phạm Thị H Giám đốc Công ty T mua chiếc xe ô tô nêu trên rồi đăng ký đứng tên Công ty. Đến tháng 4/2022, chị H đại diện cho Công ty T đã bán chiếc xe trên cho anh Nguyễn Văn T1, sau đó anh T1 đã bán cho anh Phạm Văn L. Tuy nhiên anh L chưa thanh T1 hết tiền nên anh T1 mới chỉ bàn giao xe ô tô cho anh L, còn giữ lại giấy tờ xe cho đến khi anh L thanh T1 đủ tiền sẽ bàn giao giấy tờ xe và giấy mua bán xe. Ngày 15/4/2022, anh L không biết T sử dụng chiếc xe trên để chở đất trái phép. Do đó, ngày 01/8/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả chiếc xe ô tô trên cho anh Phạm Văn L.

- Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Dongfeng, BKS: 11C-xxx.xx, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của chị Hứa Thị T2, trú tại tỉnh Cao Bằng. Ngày 14/6/2020, chị T2 đã bán lại cho chị L ở tỉnh Cao Bằng với giá 510.000.000đ. Đến ngày 09/12/2020, chị L đã bán lại chiếc xe trên cho anh Đ, sinh năm 1988, trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 495.000.000đ. Sau đó, anh Đ ủy quyền cho anh Đặng Thanh B, sinh năm 1986, trú tại tỉnh Phú Thọ quản lý và sử dụng. Ngày 15/4/2022, khi anh B đang điều khiển xe ô tô trên thì thấy T khai thác đất nên đến để xin T 1-2 chuyến đất nhưng T không đồng ý. Anh B không liên quan gì đến hành vi phạm tội của T, do vậy ngày 19/4/2022 cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe ô tô trên cho anh Đặng Thanh B.

Đối với anh Trần Văn C là người có quyền sử dụng thửa đất số 190, tờ bản đồ 48 thuộc thôn L, xã T, huyện T. Mặc dù anh C biết thửa đất trên không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác, vận chuyển nhưng anh C vẫn đồng ý cho T khai thác, vận chuyển đất đi nơi khác. Do vậy, Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Công an huyện Tam Đảo xử phạt vi phạm hành chính đối với anh C về hành vi: Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên.

- Đối với anh Nguyễn Văn T1 là chủ sở hữu máy xúc nhãn hiệu Daewoo Solar 200W, anh T1 thuê T lái máy xúc, anh T1 không biết T sử dụng máy xúc để thực hiện hành vi khai thác đất (khoáng sản) trái phép nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh T1.

Đối với anh Phạm Văn L là chủ sở hữu xe ô tô tải nhãn hiệu Trường Giang, BKS: 88H-xxx.xx, anh L không biết T sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi khai thác đất (khoáng sản) trái phép nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh L.

Do vậy cần xác nhận cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho anh Phạm Văn L 01 xe ô tô, anh Nguyễn Văn Toán 01 máy xúc và anh Đặng Thanh B 01 xe ô tô là hợp pháp.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

1. Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 227; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xác nhận cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho anh Phạm Văn L 01 xe ô tô, anh Nguyễn Văn Toán 01 máy xúc và anh Đặng Thanh B 01 xe ô tô là hợp pháp.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQĐT - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa HS, HC-TP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Bằng Đỗ Thị Kim Thúy

Phạm Thị Thúy Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Bằng Đỗ Thị Kim Thúy

Phạm Thị Thúy Mai